

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Thông tin tuyển sinh đại học chính quy năm 2026
của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Căn cứ Quyết định số 1320/QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Luật giáo dục đại học số 125/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 73/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 02/3/2026 của Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh về ban hành Quy chế tuyển sinh đại học;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Thông tin tuyển sinh đại học chính quy năm 2026 của Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thông tin tuyển sinh sẽ được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung khi có thông tin mới và được công bố trước khi thí sinh đăng ký xét tuyển đúng thời hạn theo quy chế tuyển sinh hiện hành..

Điều 3. Trường các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- CTTĐT Trường;
- Lưu VT, QLĐT.

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**



PGS.TS. Nguyễn Thị Bích Diệp

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 88/QĐ-ĐHTCQTKD, ngày 06 tháng 3 năm 2026 của Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh)

I. Thông tin chung

- 1. Tên Trường:** Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh
- 2. Mã tuyển sinh:** DFA
- 3. Địa chỉ trụ sở:** Xã Như Quỳnh – tỉnh Hưng Yên
- 4. Địa chỉ trang thông tin điện tử:** <https://ufba.edu.vn>
- 5. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; thông tin, quy chế thi tuyển sinh:**
<https://tuyensinh.ufba.edu.vn>
- 6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:** 02213.590.459 – 02213.980.756
- 7. Địa chỉ công khai thông tin về hoạt động của trường:** <https://ufba.edu.vn>

II. Thông tin tuyển sinh đào tạo đại học

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

a. Đối tượng dự tuyển

Được xác định tại thời điểm xét tuyển trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức bao gồm:

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định;
- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

b. Điều kiện dự tuyển

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

2. Phương thức tuyển sinh và nguồn xét tuyển

a. Nguồn xét tuyển

Nguồn xét tuyển vào chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường là thí sinh có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) các năm theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30, áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp từ năm 2026; Quy định này không áp dụng đối với thí sinh được đặc cách xét tốt nghiệp THPT và thí sinh quy định tại khoản 1, khoản 2 (điểm a, c, d, đ), khoản 3, khoản 4 Điều 8 Đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển của Quy chế tuyển sinh theo thông tư 06 /2026/TT-BGDĐT.

b. Phương thức xét tuyển

Phương thức 1: Xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Trường xét tuyển thẳng vào các ngành đào tạo trình độ đại học hệ chính quy các đối tượng quy định tại Khoản 1, 2 Điều 8 của Quy chế tuyển sinh và có kết quả học tập THPT đáp ứng tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào quy định, cụ thể như sau:

- Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các ngành đào tạo của Trường.
- Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.
- Thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; Giấy chứng nhận sức khỏe của bệnh viện cấp quận, huyện trở lên và giấy cam kết của thí sinh, gia đình chịu trách nhiệm về sức khỏe của thí sinh trong quá trình học tập; về học lực, từng năm học trung học phổ thông đạt điểm tổng kết từ 6,0 trở lên; về hạnh kiểm, từng năm học trung học phổ thông đạt hạnh kiểm Khá trở lên.
- Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành

của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ; Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Những thí sinh này phải học bổ sung kiến thức 1 năm tại các trường Dự bị đại học.

- Thí sinh là người nước ngoài có kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt đáp ứng quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phương thức 2: Xét tuyển kết hợp

- Đối tượng xét tuyển

* *Nhóm 1:* Thí sinh đã tốt nghiệp THPT trên toàn quốc xếp loại học tập 3 năm bậc THPT đạt loại Khá trở lên và có một trong các thành tích vượt trội như sau:

+ Đạt giải Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia hoặc đạt giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương của một trong các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học, Tiếng Anh, Ngữ văn (Thời gian đạt giải không quá 3 năm tính đến thời điểm xét tuyển).

+ Chứng chỉ IELTS Academic đạt từ 4.5 điểm hoặc TOEFL iBT (trước năm 2026) đạt từ 45 điểm hoặc TOEFL iBT (từ năm 2026) đạt từ 2.5 điểm (TOEFL iBT không sử dụng Home Edition) hoặc SAT từ 800 điểm hoặc ACT từ 17 điểm (Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS/TOEFL iBT được các tổ chức quốc tế cấp từ ngày 01/6/2024 đến thời điểm kết thúc nộp hồ sơ xét tuyển).

* *Nhóm 2:* Thí sinh đã tốt nghiệp THPT trên toàn quốc xếp loại học tập 3 năm bậc THPT đạt loại Khá trở lên.

- Nguyên tắc xét tuyển

* *Nhóm 1:*

Điểm xét tuyển (ĐXT) được xác định như sau:

$$\text{ĐXT} = \text{Điểm môn 1} + \text{Điểm môn 2} + \text{Điểm môn 3} + \text{Điểm ưu tiên (Nếu có)}.$$

+ Điểm môn 1: Điểm cao nhất trong các Điểm thi tốt nghiệp THPT năm

2026 môn Toán và Điểm TBC kết quả học tập cả năm lớp 10, 11, 12 của môn Toán theo thang điểm 10.

+ Điểm môn 2: Điểm TBC kết quả học tập cả năm lớp 10, 11, 12 của môn cao nhất trong các môn Ngữ văn, Vật lý, Hóa học, Tin học, Giáo dục kinh tế và pháp luật theo thang điểm 10.

+ Điểm môn 3: Điểm quy đổi thành tích vượt trội của thí sinh (Xác định tại Bảng điểm quy đổi chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế theo thang điểm 10 và Bảng quy đổi kết quả học tập theo thang điểm 10).

+ Điểm ưu tiên (Nếu có): Điểm Khu vực ưu tiên và Đối tượng chính sách ưu tiên.

+ Thí sinh được xét tuyển trên Hệ thống chung theo quy định của Bộ GDĐT.

+ Điểm xét tuyển theo thang điểm 30, lấy đến 2 chữ số thập phân để xét tuyển. Nếu nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau ở cuối danh sách thì lấy điểm môn Toán thi THPT năm 2026 làm tiêu chí phụ xét từ cao xuống thấp.

** Nhóm 2:*

Điểm xét tuyển (ĐXT) được xác định như sau:

$$\text{ĐXT} = \text{Điểm môn 1} + \text{Điểm môn 2} + \text{Điểm môn 3} + \text{Điểm ưu tiên (Nếu có)}.$$

+ Điểm môn 1: Điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 môn Toán.

+ Điểm môn 2: Điểm TBC kết quả học tập cả năm lớp 10, 11, 12 cao nhất của tổ hợp 3 môn trong các tổ hợp xét tuyển theo thang điểm 10.

+ Điểm môn 3: Điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 cao nhất trong các môn Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Tiếng Anh, Tin học, Giáo dục kinh tế và pháp luật. Nếu thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế được quy đổi điểm thay thế môn Tiếng Anh theo Bảng điểm quy đổi chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế theo thang điểm 10 (trường hợp thí sinh có điểm thi THPT môn Tiếng Anh cao hơn điểm quy đổi, thí sinh được giữ nguyên điểm thi này).

+ Điểm ưu tiên (Nếu có): Điểm Khu vực ưu tiên và Đối tượng chính sách ưu tiên.

+ Thí sinh được xét tuyển trên Hệ thống chung theo quy định của Bộ GDĐT.

+ Điểm xét tuyển theo thang điểm 30, lấy đến 2 chữ số thập phân để xét tuyển. Nếu nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau ở cuối danh sách thì lấy điểm môn Toán thi THPT năm 2026 làm tiêu chí phụ xét từ cao xuống thấp.

Phương thức 3: Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026

- *Tiêu chí xét tuyển:* Thí sinh tốt nghiệp THPT và tương đương có tổng điểm xét tuyển của 3 môn học thuộc một trong các tổ hợp áp dụng cho xét tuyển các ngành đào tạo của Trường phải đạt từ 15,00 điểm trở lên (bao gồm cả điểm ưu tiên đối tượng và khu vực).

- *Điểm xét tuyển được tính theo công thức:*

Điểm xét tuyển	Điểm thi môn 1	Điểm thi môn 2	Điểm thi môn 3	Điểm ưu tiên
-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-----------------

Trong đó:

+ Điểm môn 1, Điểm môn 2, Điểm môn 3 là điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 các môn thuộc tổ hợp đăng ký xét tuyển. Nếu thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế được quy đổi điểm thay thế môn Tiếng Anh theo Bảng điểm quy đổi chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế theo thang điểm 10 (trường hợp thí sinh có điểm thi THPT môn Tiếng Anh cao hơn điểm quy đổi, thí sinh được giữ nguyên điểm thi).

+ Điểm ưu tiên bao gồm ưu tiên khu vực và ưu tiên đối tượng theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục đào tạo áp dụng cho năm tuyển sinh 2026.

- *Nguyên tắc xét tuyển:*

Điểm xét tuyển theo thang điểm 30, lấy đến 2 chữ số thập phân để xét tuyển. Nếu nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau ở cuối danh sách thì lấy điểm môn Toán thi THPT năm 2026 làm tiêu chí phụ xét từ cao xuống thấp.

Phương thức 4: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập các môn học cấp THPT và tương đương

- *Đối tượng xét tuyển:* Thí sinh tốt nghiệp THPT và tương đương có tổng điểm xét tuyển của 3 môn học thuộc một trong các tổ hợp áp dụng cho xét tuyển

các ngành đào tạo của Trường phải đạt từ 18,00 điểm trở lên (bao gồm cả điểm ưu tiên đối tượng và khu vực).

- Điểm xét tuyển được xác định theo công thức như sau:

$$\begin{array}{ccccccccc} & & \text{Điểm TBC cả} & & \text{Điểm TBC cả} & & \text{Điểm TBC cả} & & \text{Điểm} \\ \text{Điểm} & & & & & & & & \\ \text{xét tuyển} & = & \text{năm lớp 10, 11} & + & \text{năm lớp 10,} & + & \text{năm lớp 10,} & + & \text{ưu tiên} \\ & & \text{12} & & \text{11, 12} & & \text{11, 12} & & \\ & & \text{môn 1} & & \text{môn 2} & & \text{môn 3} & & \end{array}$$

Trong đó:

+ Điểm TBC cả năm lớp 10, 11, 12 môn 1, Điểm TBC cả năm lớp 10, 11, 12 môn 2, Điểm TBC cả năm lớp 10, 11, 12 môn 3 là Điểm TBC cả năm lớp 10, 11, 12 các môn thuộc tổ hợp đăng ký xét tuyển. Nếu thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế được quy đổi điểm thay thế môn Tiếng Anh theo Bảng điểm quy đổi chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế theo thang điểm 10 (trường hợp thí sinh có điểm thi THPT môn Tiếng Anh cao hơn điểm quy đổi, thí sinh được giữ nguyên điểm thi này).

Điểm ưu tiên bao gồm ưu tiên khu vực và ưu tiên đối tượng theo quy định của Quy chế tuyển sinh áp dụng cho năm tuyển sinh 2026.

- Nguyên tắc xét tuyển:

- Điểm xét tuyển theo thang điểm 30, lấy đến 2 chữ số thập phân để xét tuyển. Nếu nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau ở cuối danh sách thì lấy điểm môn Toán thi THPT năm 2026 làm tiêu chí phụ xét từ cao xuống thấp.

3. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

- Ngưỡng đầu vào: Điểm xét tuyển theo thang điểm 30, lấy từ mức 15 điểm đối với chương trình đào tạo chính quy.

- Điểm trúng tuyển: Điểm trúng tuyển theo thang điểm 30. Trường công bố quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh sau khi có kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2026 theo hướng dẫn chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
1.	DFA	Kinh tế học	7310101	Kinh tế	80	Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3: (A00; A01; D01; D07, X06, X26, C14) Phương thức 4: (A00; A01; D01; D07, X06, X26, C14)
2.	DFA	Kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	435	Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3: (A00; A01; D01; D07, X06, X26, C14) Phương thức 4: (A00; A01; D01; D07, X06, X26, C14)
3.	DFA	Kinh doanh	7340120	Kinh doanh quốc tế	80	Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3: (A00; A01; D01; D07, X06, X26, C14) Phương thức 4: (A00; A01; D01; D07, X06, X26, C14)
4.	DFA	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	7340201	Tài chính- Ngân hàng	240	Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3: (A00; A01; D01; D07, X06, X26, C14) Phương thức 4: (A00; A01; D01; D07, X06, X26, C14)

5.	DFA	Kế toán – Kiểm toán	7340301	Kế toán	460	Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3: (A00; A01; D01; D07, X06, X26, C14) Phương thức 4: (A00; A01; D01; D07, X06, X26, C14)
6.	DFA	Kế toán – Kiểm toán	7340302	Kiểm toán	40	Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3: (A00; A01; D01; D07, X06, X26, C14) Phương thức 4: (A00; A01; D01; D07, X06, X26, C14)
7.	DFA	Quản trị - Quản lý	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	40	Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3: (A00; A01; D01; D07, X06, X26, C14) Phương thức 4: (A00; A01; D01; D07, X06, X26, C14)
Tổng					1375	

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

- Danh sách tổ hợp môn xét tuyển

Mã tổ hợp	Danh sách môn xét tuyển
A00	Toán, Vật Lý, Hóa Học
A01	Toán, Vật Lý, Tiếng Anh
D01	Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh
D07	Toán, Hóa Học, Tiếng Anh
X06	Toán, Vật Lý, Tin Học
X26	Toán, Tin Học, Tiếng Anh
C14	Ngữ Văn, Toán, Giáo dục kinh tế và pháp luật

- Bảng điểm quy đổi chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế theo thang điểm 10:

TT	IELTS	TOEFL iBT		SAT	ACT	Điểm quy đổi
		Trước năm 2026	Từ năm 2026			
1	4.5	45 - 49	2.5	800 - dưới 900	17 - 20	9,0
2	5.0	50 - 54	3	900 - dưới 1050	21 - 23	9,25
3	5.5	55 - 69	3.5	1050 - dưới 1200	24 - 26	9,5
4	6.0	70 - 79	4	1200 - dưới 1300	27 - 28	9,75
5	6.5 trở lên	80 trở lên	4.5 trở lên	1300 trở lên	29 trở lên	10

- Bảng điểm quy đổi kết quả học tập theo thang điểm 10:

STT	Giải Học sinh giỏi Quốc gia	Giải Học sinh giỏi Tỉnh/TP	Điểm quy đổi
1		Khuyến khích	8,5
2		Giải ba	9,0
3		Giải nhì	9,5
4	Khuyến khích	Giải nhất	10

6. Tổ chức tuyển sinh

Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh tổ chức tuyển sinh theo kế hoạch tuyển sinh chung năm 2026 của Bộ Giáo dục và đào tạo, cụ thể dự kiến như sau:

- Phương thức 1: Thí sinh xét tuyển nộp hồ sơ xét tuyển về Trường trước 17h00 ngày 20/6/2026. Nhà trường thực hiện xét tuyển thẳng và thông báo kết quả cho thí sinh. Cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển xét tuyển thẳng lên Hệ thống trước ngày 30/6/2026. Thí sinh thực hiện xác nhận nhập học trên Hệ thống theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT.

- Phương thức 2, 4:

* Quy định về hồ sơ: Thí sinh xem thông tin chi tiết tại Thông báo tuyển sinh của Trường.

* Hình thức, thời gian đăng ký:

+ Đăng ký trực tuyến trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường:
<http://xettuyen.ufba.edu.vn>, dự kiến từ ngày 28/05 đến ngày 22/06/2026.

+ Đăng ký trực tuyến trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia từ ngày 02/07 đến 17h00 ngày 14/07/2026.

* Thời gian công bố kết quả sơ tuyển và kết quả trúng tuyển:

+ Thời gian công bố kết quả sơ tuyển: Dự kiến trước 17h00 ngày 26/06/2026.

+ Thời gian công bố kết quả trúng tuyển: Trước 17h00 ngày 13/08/2026.

+ Thời gian thí sinh xác nhận nhập học trực tuyến: Trước 17h00 ngày 21/08/2026.

- Phương thức 3: Đợt xét tuyển theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT và thực hiện xét tuyển bổ sung (nếu còn chỉ tiêu).

* Quy định về hồ sơ:

Hồ sơ đăng ký xét tuyển (ĐKXT) theo quy định của Bộ GDĐT. Thí sinh được ĐKXT vào tất cả các ngành của Trường.

* Hình thức, thời gian đăng ký: Thí sinh đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển trên hệ thống (qua Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia) từ ngày 02/07 đến 17h00 ngày 14/07/2026.

Riêng đối với thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế nộp trực tiếp tại Trường hoặc gửi qua đường bưu điện về Trường trước ngày 22/06/2026.

Thí sinh chưa trúng tuyển hoặc đã trúng tuyển nhưng chưa xác nhận nhập học vào bất cứ nơi nào có thể đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung (nếu có). Điểm xét tuyển đối với hồ sơ xét tuyển các đợt bổ sung không thấp hơn điểm trúng tuyển đợt 1. Thời gian ĐKXT đợt bổ sung (nếu có), Trường thông báo trên Cổng thông tin điện tử hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác.

Thí sinh hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin trong hồ sơ ĐKXT. Trường từ chối tiếp nhận hoặc buộc thôi học nếu thí sinh không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin giữa hồ sơ ĐKXT với hồ sơ gốc.

* Thời gian công bố kết quả xét tuyển và xác nhận nhập học:

+ Thời gian công bố kết quả xét tuyển: Trước 17h00 ngày 13/08/2026.

+ Thời gian thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học: Trước 17h00 ngày

21/08/2026.

7. Chính sách ưu tiên

a. Chính sách ưu tiên chung

Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh áp dụng chính sách ưu tiên chung theo quy chế tuyển sinh hiện hành theo khu vực và đối tượng, cụ thể:

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0.75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0.5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0.25 điểm, Khu vực 2 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2.0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 07 đến 07) là 1.0 điểm;

- Các mức ưu tiên được quy định nêu trên tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng môn thi (không nhân hệ số);

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22.5 trở lên (Khi quy về thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7.5] \times \text{Mức điểm ưu tiên theo quy định}$$

- Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

b. Xét tuyển thẳng

Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh xét tuyển thẳng cho các đối tượng theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Lệ phí xét tuyển: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9. Cam kết của Trường đối với thí sinh (Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh)

- Nếu thí sinh có thông tin, dữ liệu đăng ký xét tuyển trên hệ thống đăng ký xét tuyển của Bộ Giáo dục và Đào tạo khác với thông tin đăng ký dự tuyển trên hệ thống của Trường, Trường sử dụng dữ liệu từ hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo để xét tuyển.

- Sau khi kết thúc đợt xét tuyển theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường tổ chức hậu kiểm hồ sơ đăng ký của thí sinh. Trường hợp thí sinh sử dụng thông tin hồ sơ không đúng sự thực để xét đủ điều kiện trúng tuyển nhưng thực tế hồ sơ của thí sinh không đủ điều kiện trúng tuyển, Trường chủ động thực hiện việc hủy bỏ kết quả trúng tuyển của thí sinh nêu trên nhằm đảm bảo tính chính xác, công bằng và minh bạch trong tuyển sinh. Trường hợp thí sinh nhận thấy kết quả xét tuyển của mình chưa chính xác có thể viết đơn đề nghị kiểm tra, cập nhật kết quả xét tuyển gửi về Trường và các cơ quan quản lý có liên quan xem xét giải quyết nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh.

- Thí sinh trúng tuyển nhưng nhập học muộn quá thời gian quy định theo thông báo của Trường, nếu có lý do chính đáng được Trường xem xét giải quyết cho nhập học bổ sung. Thí sinh viết đơn đề nghị nhập học bổ sung muộn gửi kèm theo minh chứng lý do chính đáng nhập học muộn về Trường; ngược lại, thí sinh được coi như từ chối nhập học tại Trường.

10. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2025			Năm 2024		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1	Khoa học xã hội và hành vi							
1.1	Kinh tế học							
1.1.1	Kinh tế							
1.1.1.1	Kinh tế	Phương thức tuyển sinh xét tuyển thẳng	1			1		
1.1.1.2	Kinh tế	Phương thức tuyển sinh xét kết quả Kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức	3		15	3		18
1.1.1.3	Kinh tế	Phương thức tuyển sinh xét điểm thi tốt nghiệp THPT	25	29	15	10	11	20.5
1.1.1.4	Kinh tế	Phương thức tuyển sinh xét theo kết quả học tập THPT	26	27	18	16	20	24.5
2	Kinh doanh và quản lý							

2.1	Kinh doanh							
2.1.1	Kinh doanh quốc tế							
2.1.1.1	Kinh doanh quốc tế	Phương thức tuyển sinh xét tuyển thẳng	1			1		
2.1.1.2	Kinh doanh quốc tế	Phương thức tuyển sinh xét kết quả Kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức	3	1	15	3		15
2.1.1.3	Kinh doanh quốc tế	Phương thức tuyển sinh xét điểm thi tốt nghiệp THPT	20	19	15	18	18	15
2.1.1.3	Kinh doanh quốc tế	Phương thức tuyển sinh xét theo kết quả học tập THPT	64	70	18	23	35	18
2.1.2	Quản trị kinh doanh							
2.1.2.1	Quản trị kinh doanh	Phương thức tuyển sinh xét tuyển thẳng	1			1		
2.1.2.2	Quản trị kinh doanh	Phương thức tuyển sinh xét kết quả Kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức	4	1	15	5	2	15
2.1.2.3	Quản trị kinh doanh	Phương thức tuyển sinh xét điểm thi tốt nghiệp THPT	100	84	15	90	108	15
2.1.2.4	Quản trị kinh doanh	Phương thức tuyển sinh xét theo kết quả học tập THPT	295	320	18	144	189	18
2.2	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm							
2.2.1	Tài chính - Ngân hàng							
2.2.1.1	Tài chính - Ngân hàng	Phương thức tuyển sinh xét tuyển thẳng	1			1		
2.2.1.2	Tài chính - Ngân hàng	Phương thức tuyển sinh xét kết quả Kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức	5		15	5	2	15
2.2.1.3	Tài chính - Ngân hàng	Phương thức tuyển sinh xét điểm thi tốt nghiệp THPT	54	47	18	60	77	18
2.2.1.4	Tài chính - Ngân hàng	Phương thức tuyển sinh xét theo kết quả học tập THPT	180	197	18	79	143	18

2.3	Kế toán - Kiểm toán							
2.3.1	Kế toán							
2.3.1.1	Kế toán	Phương thức tuyển sinh xét tuyển thẳng	1			1		
2.3.1.2	Kế toán	Phương thức tuyển sinh xét kết quả Kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức	9	1	15	6	5	15
2.3.1.3	Kế toán	Phương thức tuyển sinh xét điểm thi tốt nghiệp THPT	120	103	18	175	102	18
2.3.1.4	Kế toán	Phương thức tuyển sinh xét theo kết quả học tập THPT	350	388	18	208	257	18
2.3.2	Kiểm toán							
2.3.2.1	Kiểm toán	Phương thức tuyển sinh xét tuyển thẳng	1			1		
2.3.2.1	Kiểm toán	Phương thức tuyển sinh xét kết quả Kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức	4		15	4	1	15
2.3.2.3	Kiểm toán	Phương thức tuyển sinh xét điểm thi tốt nghiệp THPT	15	11	18	5	9	18
2.3.2.4	Kiểm toán	Phương thức tuyển sinh xét theo kết quả học tập THPT	20	29	18	12	23	18
2.4	Quản trị - Quản lý							
2.4.1	Hệ thống thông tin quản lý							
2.4.1.1	Hệ thống thông tin quản lý	Phương thức tuyển sinh xét tuyển thẳng	1			1		
2.4.1.2	Hệ thống thông tin quản lý	Phương thức tuyển sinh xét kết quả Kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức	3	1	15	2		15
2.4.1.3	Hệ thống thông tin quản lý	Phương thức tuyển sinh xét điểm thi tốt nghiệp THPT	15	6	15	5	9	15
2.4.1.4	Hệ thống thông tin quản lý	Phương thức tuyển sinh xét theo kết quả học tập THPT	28	43	18	12	23	18
	Tổng		1350	1376		900	1034	

11. Thông tin liên lạc

Phòng Quản lý đào tạo, xã Như Quỳnh – tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 02213.985.808 - 02213.590.459.

Hotline: 0988.956.594

Website: <https://ufba.edu.vn>; <https://tuyensinh.ufba.edu.vn>

Fanpage: <https://www.facebook.com/DaiHocTaiChinhQuanTriKinhDoanh>

Cán bộ tuyển sinh

(Ghi rõ họ tên, số điện thoại, email)

TS. Nguyễn Huy Cường

SĐT: 0912565238

Email: Cuongnguyentc@gmail.com

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**



PGS.TS. Nguyễn Thị Bích Diệp